

Số: 167/TB-HV

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

## THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-HV ngày 22/04/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ,

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2025. Cụ thể như sau:

### I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo trình độ tiến sĩ là nhằm đào tạo những nhà khoa học có trình độ lý thuyết chuyên môn sâu và năng lực thực hành phù hợp, có kỹ năng phân tích cùng năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế xuất hiện trong phạm vi chuyên môn của mình, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

### II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu (Dự kiến)	Thời gian đào tạo
1	Hệ thống thông tin	9480104	10	Thời gian đào tạo: 4 năm
2	Kỹ thuật điện tử	9520203	05	
3	Kỹ thuật viễn thông	9520208	05	
4	Kỹ thuật máy tính	9480106	05	
5	Quản trị kinh doanh	9340101	08	

### III. HÌNH THỨC TUYỂN SINH: XÉT TUYỂN

#### IV. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN:

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Đã tốt nghiệp trình độ thạc sĩ chuyên ngành phù hợp hoặc gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển hoặc đã tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ;

*(Danh mục các ngành, chuyên ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành dự tuyển trình độ tiến sĩ - Phụ lục I).*

- Những người có bằng tốt nghiệp do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận bằng văn bản theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, cáo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
3. Có đề cương định hướng nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng về đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, gồm các nội dung:
  - a) Lý do chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu và mong muốn đạt được;

- b) Kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo;
- c) Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu;
- d) Dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp;
- e) Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).

*(Chi tiết yêu cầu đối với Đề cương định hướng nghiên cứu của thí sinh - Phụ lục II*

*Định hướng nghiên cứu và người hướng dẫn khoa học có thể tham khảo tại Phụ lục III).*

4. **Có đủ trình độ Ngoại ngữ** để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án, thể hiện ở một trong các điều kiện sau:
  - a. Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.
  - b. Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
  - c. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ (**Quy định tại Phụ lục IV**) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.
5. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh), trừ những trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo tiến sĩ.
6. Có thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển từ ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển từ 06 tháng trở lên và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển. (**Yêu cầu về thư giới thiệu – Phụ lục V**).
7. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ);

## V. HỒ SƠ TUYỂN SINH

1. Phiếu đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ (**01 bản chính, 05 bản photo**) (*Mẫu kèm theo*);
2. Bản sao có công chứng các loại giấy tờ sau:
  - Bằng và bảng điểm đại học (**01 bản công chứng, 05 bản photo bằng, bảng điểm**)
  - Bằng và bảng điểm tốt nghiệp thạc sĩ (**01 bản công chứng, 05 bản photo bằng, bảng điểm**)
  - Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định (**01 bản công chứng, 05 bản photo**)
3. Lý lịch khoa học (**01 bản chính, 05 bản photo**) (*Mẫu kèm theo*);
4. Sơ yếu lý lịch trong thời hạn **06** tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý (đối với người đã đi làm) hoặc của chính quyền địa phương nơi

thí sinh cư trú (đối với người vừa mới tốt nghiệp) (01 bản chính, 05 bản photo) (Mẫu kèm theo);

5. Có ít nhất 01 thư giới thiệu của 01 nhà khoa học (01 bản chính, 05 bản photo)
6. 06 bản sao chụp bìa, mục lục và toàn văn bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành
7. 06 bản sao chụp các quyết định giao đề tài, quyết định nghiệm thu và biên bản nghiệm thu đối với thí sinh là chủ trì đề tài. Nếu thí sinh là thành viên tham gia đề tài, cần sao chụp bản thuyết minh đề tài có danh sách người tham gia, quyết định nghiệm thu và biên bản họp nghiệm thu có xác nhận của người tham gia đề tài
8. 06 quyển đề cương định hướng nghiên cứu
9. Bản sao giấy khai sinh
10. Công văn giới thiệu cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
11. 03 ảnh CMND 4x6 và 02 Phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ của thí sinh;
12. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa cấp.

## VII. KINH PHÍ

1. Phát hành hồ sơ: 60.000 đồng/hồ sơ
2. Phí đăng ký dự tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ
3. Phí báo cáo định hướng nghiên cứu: 3.500.000 đồng/người
4. Học phí (dự kiến): 38.000.000 đồng/ năm đối với khối ngành kinh tế và 40.000.000 đồng/ năm đối với khối ngành kỹ thuật.

## VIII. THỜI GIAN TỔ CHỨC XÉT TUYỂN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

### 1. Thời gian phát hành và nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển:

Từ ngày 03/03/2025 đến ngày 10/06/2025

### 2. Thời gian xét tuyển: Dự kiến vào cuối tháng 06/2025

### 3. Địa chỉ liên hệ:

Văn Phòng Giao dịch một cửa - Bộ phận Tuyển sinh  
Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông  
Km10 đường Nguyễn Trãi, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội  
Điện thoại: 024.33528122; Fax: 024.33829236

Mọi thông tin chi tiết và mẫu hồ sơ đăng ký dự tuyển thí sinh có thể xem và tải về tại trang tin điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông theo địa chỉ: <https://tuvensinh.ptit.edu.vn>.

### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Ban Giám đốc HV (để b/c)
- Các đơn vị trực thuộc HV;
- Các Khoa, Phòng, Ban chức năng của HV;
- Lưu VT, ĐT.

  
PGS.TS. Trần Quang Anh



## PHỤ LỤC I

### DANH MỤC CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP, GẦN DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ (Kèm theo Thông báo số 167 /TB-HV ngày 20 /02/2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

TT	Chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ		Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ gần	Ghi chú
	Tên chuyên ngành	Mã số			
1	Kỹ thuật điện tử	9520203	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện	
			Kỹ thuật radar - dẫn đường	Kỹ thuật máy tính	
			Kỹ thuật viễn thông	Vật lý vô tuyến và điện tử	
			Kỹ thuật mật mã	Kỹ thuật cơ điện tử	
			Kỹ thuật y sinh		
			Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
2	Kỹ thuật viễn thông	9520208	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện	
			Kỹ thuật radar - dẫn đường	Kỹ thuật y sinh	
			Kỹ thuật viễn thông	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
			Kỹ thuật mật mã	Khoa học máy tính	
			Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Hệ thống thông tin	
			Vật lý vô tuyến và điện tử	Kỹ thuật máy tính	
				Công nghệ thông tin	
				An toàn thông tin	
3	Kỹ thuật máy tính	9480106	Khoa học máy tính	Cơ sở toán học cho tin học	
			Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Toán ứng dụng	
			Kỹ thuật phần mềm	Toán tin	
			Hệ thống thông tin	Kỹ thuật điện tử	
			Kỹ thuật máy tính	Kỹ thuật viễn thông	
			Công nghệ thông tin	Kỹ thuật mật mã	
			An toàn thông tin		

TT	Chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ		Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ gần	Ghi chú
	Tên chuyên ngành	Mã số			
4	<b>Hệ thống thông tin</b>	9480104	Khoa học máy tính	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	
			Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Cơ sở toán học cho tin học	
			Kỹ thuật phần mềm	Toán ứng dụng	
			Hệ thống thông tin	Toán tin	
			Kỹ thuật máy tính	Thống kê	
			Công nghệ thông tin	Kỹ thuật mật mã	
			An toàn thông tin		
			Quản lý công nghệ thông tin		
			Quản lý hệ thống thông tin		
			Hệ thống thông tin quản lý		
5	<b>Quản trị kinh doanh</b>	9340101	Quản trị kinh doanh	Tài chính- Ngân hàng	
			Kinh doanh thương mại	Kế toán	
			Quản trị nhân lực	Quản lý công	
			Quản trị văn phòng	Quản lý khoa học và công nghệ	
			Quản lý kinh tế	Quản lý công nghiệp	
				Quản lý năng lượng	
				Kinh tế học	
				Kinh tế chính trị	
				Kinh tế đầu tư	
				Kinh tế phát triển	
	Kinh tế quốc tế				

**Ghi chú:**

1. Đối với nghiên cứu sinh có **bằng thạc sĩ** các chuyên ngành gần phải học bổ sung kiến thức sau khi trúng tuyển nghiên cứu sinh.
2. Đối với nghiên cứu sinh **chưa có bằng thạc sĩ** phải học các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng tối thiểu 30 tín chỉ, chưa kể luận văn, đề án tốt nghiệp.

**PHU LUC II:**

**YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐỀ CƯƠNG ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU  
CỦA THÍ SINH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Kèm theo Thông báo số 167 /TB-HV ngày 20 /02/2025 của Giám đốc  
Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)*

-----

Đề cương định hướng nghiên cứu cần phản ánh trí tuệ, những điểm mạnh và tích cực của người viết, trình bày bằng một văn phong trong sáng, rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về thí sinh, với những thông tin mới mẻ (không lặp lại những thông tin có thể thấy trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu ...). Bài luận dài 3 - 5 trang, gồm những nội dung chính sau đây:

- a. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
- b. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
- c. Lý do lựa chọn Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông làm cơ sở đào tạo.
- d. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
- e. Kinh nghiệm (về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác); kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề dự định nghiên cứu, phản ánh sự khác biệt của cá nhân thí sinh trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có. Lý giải về những khiếm khuyết hay thiếu sót (nếu có) trong hồ sơ như kết quả học thạc sĩ chưa cao ...
- f. Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp.
- g. Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).

## PHỤ LỤC IV

### DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

(Kèm theo thông báo số 167 /TB-HV ngày 20 / 02 /2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL	B2 trở lên (Bậc 4 trở lên)
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 3 (Bậc 4 trở lên)
		PTE Academic (Person Test of English Academic)	59 – 75 (Bậc 4 trở lên)
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên